TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Công ngệ kỹ thuật điện, điện tử**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4,5 năm**

Văn bằng: **Kỹ sư**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **152**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
DT70115	Nhập môn chuyên ngành điện, điện tử	1	15	0	15
DT70116	Vật liệu điện-điện tử	2	30	30	0
DT70117	Giải tích mạch điện	3	45	45	0
DT70208	Linh kiện điện tử	2	30	30	0
DT71116	Khí cụ điện	2	60	0	60
DT70210	Kỹ thuật xung- số	2	30	30	0
CT70104	Autocad	2	60	0	60
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội(*)	1	30	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0

HỌC KỲ 2: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 5)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70202	Toán Cao cấp	3	45	45	0
DT70118	Kỹ thuật đo	2	60	0	60
DT70211	Thực hành kỹ thuật xung- số	3	90	0	90
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần)		**5**			
CB70311	An toàn lao động và môi trường kỹ thuật	2	30	30	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71302	Chinese 2	3	45	45	0
CB71410	Pickleball(*)	1	30	0	30
CB71412	Bóng đá(*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền(*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông(*)	1	30	0	30

HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 05)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**15**			
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70203	Vật lý	3	45	45	0
DT70119	Kỹ thuật cảm biến và đo lường	3	60	0	60
DT70120	PLC	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)		**5**			
CB71201	Phương pháp tính	2	30	30	0
CB71202	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	2	30	30	0
CB71413	Fitness(*)	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ(*)	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật(*)	1	30	0	30
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71303	Chinese 3	3	45	45	0
HỌC KỲ 4: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
DT70209	Thực hành phần mềm chuyên ngành	2	60	0	60
DT70213	Lý thuyết điều khiển tự động	3	45	45	0
DT70214	Điện tử công suất	2	30	30	0
DT70121	Thực hành PLC	3	90	0	90
DT70217	Đồ án kỹ thuật điện, điện tử	1	30	0	0
DT71115	Máy điện	2	30	30	0

DT70220	Kỹ thuật lập trình C cho vi điều khiển	3	30	30	0
DT71221	Mạch điện tử	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)					
TA71334	English for International Certification*	9	135	135	0
TQ71304	Chinese for International Certification*	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
DT70215	Thực hành điện tử công suất	2	60	0	60
DT70216	Vi điều khiển	3	90	0	90
DT70125	Xử lý tín hiệu số	3	30	30	0
DT70126	Điện khí nén	3	60	30	30
DT70113	Tự động hóa quá trình công nghệ	2	60	0	60
DT71222	Thực hành mạch điện tử	2	60	0	60
DT71106	Điều khiển máy điện	3	60	30	30
DT70218	Đồ án kỹ thuật điều khiển	1	30	0	0
HỌC KỲ 6: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70105	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
DT70124	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30	0
DT71227	Thiết kế mạch điện tử	2	60	0	60

DT71229	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	3	90	0	90
DT71232	Năng lượng tái tạo	3	60	30	30
DT71235	Điện toán đám mây và ứng dụng	3	60	30	30
DT71241	Vi điều khiển nâng cao	3	90	0	90
DT71236	Quản lý dự án công nghiệp	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 18)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần tự chọn (Chọn 6 trong 12 học phần)		**18**			
Tự động hóa & điều khiển thông minh		**18**			
DT71237	Thị giác máy tính và ứng dụng	3	60	30	30
DT71239	Nhà máy thông minh	3	60	30	30
DT71122	Truyền động điện	3	90	0	90
DT71230	Điều khiển thông minh	3	90	0	90
DT71238	Kỹ thuật điều khiển robot	3	75	15	60
DT71123	Mạng truyền thông công nghiệp	3	90	0	90
Công nghệ IoT – Hệ thống nhúng		**18**			
DT71240	Thiết kế hệ thống nhúng	3	60	30	30
DT71242	Các giải pháp và hệ thống IoT tiên tiến	3	60	30	30
DT71224	Thiết kế vi mạch số	3	45	45	0
DT71225	Thực hành thiết kế vi mạch số	3	90	0	90
DT71226	Lập trình hệ thống nhúng	3	90	0	90
DT71228	Kỹ thuật IoT và ứng dụng	3	90	0	90
HỌC KỲ 8: 8 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 8, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**8**			
DT70234	Thực tập tốt nghiệp	8	480	0	0
HỌC KỲ 9: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**10**			
DT71234	Khóa luận tốt nghiệp	10	300	0	0